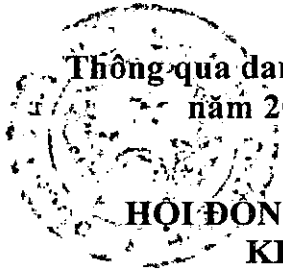


HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2018/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 12 tháng 7 năm 2018



NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất
năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung 45 dự án cần thu hồi đất năm 2018 với tổng diện tích 12.696.735 m² vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT NĂM 2018

theo Nghị quyết số 10 /2018/NQ-HĐND ngày 1 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (ĐN ứng vốn, vốn TW...)		
I	Thị xã Đồng Xoài	101.146			24.200	24.200	0	0		
1	Thao trường, bãi tập cho Trường Quân sự địa phương	15.000	CLN, ONT	xã Tân Thành	9.200	9.200			Nghị quyết số 657/NQ/ĐU ngày 12/01/2018 của Đảng ủy Quân sự tỉnh	
2	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bình Phước	1.146	CLN, ONT	phường Tân Thiện	10.000	10.000			Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 10/11/2018 của UBND tỉnh	
3	Các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 KCN Đồng Xoài I	85.000	CLN, ONT	xã Tân Thành	5.000	5.000			Công văn số 377/HĐND-KT ngày 01/12/2017 của Thường trực HĐND tỉnh	
II	Thị xã Bình Long	1.000			3.050	3.050	0	0		
1	Xây dựng Trạm thu phí nhà điều hành BOT QL 13	1.000	ONT, CLN, HNK	xã Thanh Lương	3.050	3.050			Quyết định 667/QĐ-UBND ngày 02/4/2018 của UBND tỉnh	
III	Huyện Lộc Ninh	3.380.000			25.740	0	0	25.740		
1	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	1.950.000	CLN, RSX	huyện Lộc Ninh	0				Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trung ương



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
2	Dự án khai thác mỏ đá vôi phục vụ dây chuyền 2 Nhà máy xi măng Bình Phước	1.430.000	RSX	xã Lộc Thành	25.740			25.740	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 tại Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010	Doanh nghiệp ứng vốn
IV	Huyện Hớn Quản	1.207.200			88.650	0	0	88.650		
1	Thu hồi đất bổ sung Mỏ đá vôi Nhà máy xi măng Minh Tâm	1.182.000	CLN	xã Minh Tâm	88.650			88.650	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 tại Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010	Doanh nghiệp ứng vốn
2	Mở rộng đường giao thông nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới	25.200	DGT, CLN	xã Tân Khai	0					UBND huyện vận động người dân hiến đất mở rộng đường giao thông hiện hữu
V	Huyện Chơn Thành	4.584.700			320.000	320.000	0	0		

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
1	Xây dựng đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	4.584.700	CLN	xã Minh Thành, Minh Thắng, Minh Lập, Nha Bích	320.000	320.000			Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; Quyết định 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	
VI	Huyện Bù Gia Mập	1.280.919			18.057	2.350	15.207	500		
1	Trường Tiểu học Bình Thắng B	8.000	CLN	xã Bình Thắng	200		200		Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	
2	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	10.000	CLN	xã Phú Nghĩa	300		300			
3	Điểm Trường MG Đức Hạnh (Bù Kroai)	3.000	CLN	xã Đức Hạnh	100		100			
4	Chợ Đakia	3.664	CLN, ONT	xã Đa Kìa	400		400			
5	Mở rộng chợ Phú Văn	11.300	CLN, ONT	xã Phú Văn	1.300		1.300		Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	
6	Chợ Đăk Ô	12.548	CLN, ONT	xã Đăk Ô	2.000		2.000			
7	Xây dựng 4 đường bê tông nông thôn	4.200	CLN	xã Đăk Ô	150		150			
8	Đường Đăk Côn -Bù Rên	13.560	CLN	xã Bù Gia Mập	400		400		Quyết định số 3111/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	
9	Trụ sở UBND xã Bình Thắng	320	CLN, ONT	xã Bình Thắng	144		144			
10	Đường N4 khu TTHC	7.527	CLN	xã Phú Nghĩa	280		280		Biên bản làm việc ngày 17/7/2017	
11	Hồ Thủy lợi Bình Hà 2	80.000	CLN	xã Đa Kìa	2.000	2.000			Quyết định số 1072/QĐ-BNN-KH ngày 30/3/2017	
12	Khu căn cứ chiến đấu	130.000	CLN	xã Phú Nghĩa	3.000		3.000		Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2016	



STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Cơ sở pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
13	Khu căn cứ hậu cần	300.000	CLN	xã Phú Nghĩa	6.200		6.200		Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2017	
14	Thao trường huấn luyện bắn súng	644.000	CLN	xã Đăk Ô					Công văn số 840/BCH ngày 05/9/2018	
15	Nhà văn hóa thôn Bình Tiến 2	2.500	CLN	xã Phước Tiến	100	100			Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	
16	Nhà văn hóa thôn 1	700	CLN	xã Bình Thắng	200	200				
17	Nhà văn hóa thôn 3	300	CLN	xã Phú Văn	50	50			Biên bản làm việc ngày 17/7/2017	
18	Trạm 110KV và đường dây đầu nối	5.300	CLN	xã Phú Văn	133		133		Biên bản số 01/BB-UBND ngày 04/4/2018 của UBND huyện Bù Gia Mập	
19	Xây dựng đường dây tải điện từ thôn Bình Giai đến thôn Bình Tiến 2 xã Phước Minh	24.000	CLN	xã Phước Minh	600		600		Biên bản ngày 29/5/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường	
20	Xây dựng đập thủy lợi nhỏ khu dự án tại Tiểu khu 42 - Nông lâm trường Đăk Mai	20.000	CLN	xã Đăk Ô	500			500		
VII	Huyện Bù Đốp	2.050.000			0	0	0	0		
1	Nâng cấp mở rộng đường tuần tra biên giới	2.050.000	CLN, RSX	huyện Bù Đốp	0				Bộ Quốc phòng đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 730/QĐ-BQP ngày 14/3/2017	Vốn trung ương
VIII	Huyện Bù Đăng	22.208			5.273	1.073	4.200	0		
1	Thu hồi đất bổ sung Hồ chứa nước Sơn Lợi	10.000	CLN	xã Thọ Sơn	423	423			Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	
2	Khu dân cư thương mại, dịch vụ Bom Bo	830	CLN	xã Bom Bo	1.000		1.000		Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 04/8/2017	

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
3	Khu tái định cư thôn 3 Minh Hưng	4.852	ONT, CLN	xã Minh Hưng	3.000		3.000		Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	
4	Tiểu dự án tái định cư khu vực Đa Bông Cua	6.136	CLN	xã Thống Nhất	650	650			Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 09/11/2009	
5	Đường vào công Trường TH Bom Bo	300	CLN	xã Bom Bo	200		200		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 14/4/2017	
6	Mở rộng trường mẫu giáo Thanh Bình	90	CLN	xã Đường 10					Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	
IX	Huyện Đồng Phú	69.562			0	0	0	0		
1	Mở rộng đường bên hông Công ty Kim Tín	3.150	CLN	TT.Tân Phú					Sở Tài nguyên và Môi trường đã kiểm tra thực địa các dự án và có biên bản làm việc với UBND huyện ngày 19/6/2018	UBND huyện vận động người dân hiến đất để làm đường giao thông theo quy hoạch chung xây dựng của huyện
2	Xây dựng đường giao thông từ nhà ông Phú đến đường Lạc Long Quân nối dài	15.900	CLN	TT.Tân Phú						
3	Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài lên KCN Bắc Đồng Phú	18.850	CLN	TT.Tân Phú						
4	Xây dựng đường tổ 27B nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến đường tổ 23 nối dài)	4.500	CLN	TT.Tân Phú						
5	Xây dựng đường tổ 33 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến Tôn Đức Thắng nối dài)	4.000	CLN	TT.Tân Phú						
6	Xây dựng đường tổ 41 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến Tôn Đức Thắng nối dài)	4.300	CLN	TT.Tân Phú						
7	Xây dựng đường tổ 43 nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đỏ đến Tôn Đức Thắng nối dài)	4.700	CLN	TT.Tân Phú						

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Số tiền để bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn thực hiện			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (DN ứng vốn, vốn TW...)		
8	Xây dựng đường tổ 2, TT. Tân Phú đến tổ 48, xã Tân Tiến (đổi diện đường Ngô Quyền)	11.000	CLN	TT.Tân Phú						
9	Xây dựng đường Lạc Long Quân nối dài đến khu du lịch Sơn Hà	3.162	CLN	TT.Tân Phú						
45	Tổng	12.696.735			484.970	350.673	19.407	114.890		

Ghi chú (*):

- CLN: Đất trồng cây lâu năm
- RSX: Đất trồng rừng sản xuất
- ONT: Đất ở tại nông thôn
- ODT: Đất ở tại đô thị
- DGT: Đất giao thông
- NTS: Đất nuôi trồng thủy sản
- SON: Đất sông suối và MNCD